TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày 28 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Mầng và ông Cà Văn Đại.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Phương, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Sùng A S**,** sinh ngày 01/01/1967, tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: chưa qua đào tạo; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A C (đã chết) và con bà Giàng Thị S (đã chết); bị cáo có vợ Giàng Thị D, sinh 1970 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2023 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Giàng Thị D, sinh 01/01/1970, tại huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: bản G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: chưa qua đào tạo; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A C (đã chết) và con bà Thào Thị D (đã chết); bị cáo có chồng Sùng A S, sinh 1967 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2023 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo S:* Ông Đèo Văn Hải, là Luật sư thực hiện trợ giúp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo D*: Ông Lường N, là Luật sư thực hiện trợ giúp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người phiên dịch*: Vàng Thị D, nơi cư trú: T, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 25 phút ngày 11/7/2023, Tổ công tác Công an huyện M phối hợp với Công an xã N làm nhiệm vụ tại bản G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La, tiến hành kiểm tra hành chính nhà ở Sùng A S, thấy tổ công tác Sùng A S đã bỏ chạy còn lại Sùng Thị D và Giàng Thị D. Khi bị kiểm tra Sùng Thị D đã giao nộp 01 lọ nhựa bên trong có 01 túi nilon màu xanh bên trong có chứa các viên nén màu hồng hình tròn và 02 gói nilon màu trắng bên trong có chứa các cục bột màu trắng, D khai nhận đó là ma tuý cất giữ để bán; Giàng Thị D lấy ra 01 túi vải (ví) màu đen bên trong có 01 túi nilon màu xanh chứa các viên nén màu hồng hình tròn, D khai nhận đó là ma tuý do D cùng với Sùng A S mua về để bán kiếm lời và S sử dụng, số tiền 750.000VNĐ là do D và S bán trái phép chất ma tuý có được. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở của D nhưng không thu được gì thêm; khám xét khẩn cấp chỗ ở của D thu giữ 01 túi nilon màu trắng, bên trong là 01 lớp nilon màu vàng, 02 lớp nilon màu trắng và bên trong có chứa các cục bột màu trắng; 01 lọ nhựa bên trong có 01 túi nilon màu xanh chứa các viên nén màu hồng. Tổ công tác niêm phong vật chứng và dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M để điều tra làm rõ.

Giàng Thị D khai về nguồn gốc ma tuý bị thu giữ: ngày 03/7/2023 Sùng A S bảo D mang số tiền tích luỹ được đi mua "hồng phiến" về để bán kiếm lời, D mang theo 2.000.000VNĐ đi gặp một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) hỏi và mua được 01 gói ma tuý, mang về cất giữ, hàng ngày D và S bán cho người nghiện, số tiền thu được D cất giữ để chi tiêu trong gia đình nhưng không xác định rõ tổng số tiền đã bán, còn lại 750.000VNĐ đã bị thu giữ.

Ngày 12/7/2023 Sùng A S bị bắt giữ, S khai nhận: Do đã nghiện ma túy 10 năm nay nên khoảng 02 tháng trước khi bị phát hiện S nói với D đi tìm mua "viên hồng" về để bán kiếm lời và S sử dụng; sau khi D tìm mua được ma tuý về cùng S bán được vài lần thấy có lời nên ngày 03/7/2023 Sạ bảo D mang 2.000.000VNĐ (là số tiền tích luỹ được từ lao động và từ việc mua bán trái phép ma tuý) đi mua "viên hồng" về để bán, D đi mua về nói với S đã mua được một ít nhưng do S nghiện nếu trực tiếp cất giữ sẽ sử dụng hết nên S và D thống nhất số "viên hồng" cho D cất giữ, hàng ngày D đưa cho Sạ từ 05 đến 10 viên để S vừa sử dụng và vừa bán; số tiền bán trái phép ma tuý S đưa cho D cất giữ, đến khi bị phát hiện S không xác định được đã bán cho ai và thu về tổng số tiền là bao nhiêu.

Ngày 12/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ của Sùng Thị Du và Giàng Thị D, như sau:

29 viên nén màu hồng trong túi nilon màu xanh thu giữ với Sùng Thị Du có khối lượng là 2,63 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,47 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là D1; còn lại: 24 viên có khối lượng 2,16 gam ký hiệu D1A;

Các cục bột màu trắng trong túi nilon màu trắng thứ nhất thu giữ với Sùng Thị Du có khối lượng là 5,66 gam, lấy 0,12 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là D2; còn lại 5,54 gam ký hiệu D2A;

Các cục bột màu trắng trong túi nilon màu trắng thứ hai thu giữ với Sùng Thị Du có khối lượng là 3,73 gam, lấy 0,13 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là D3; còn lại 3,60 gam ký hiệu D3A;

Các cục bột màu trắng trong túi nilon màu trắng (khám xét) thu giữ với Sùng Thị Du có khối lượng là 112,58 gam, lấy 0,88 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là D4; còn lại 111,70 gam ký hiệu D4A;

114 viên nén màu hồng trong túi nilon màu xanh (khám xét) thu giữ với Sùng Thị Du có khối lượng là 13,54 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,47 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là D5; còn lại: 139 viên có khối lượng 13,07 gam ký hiệu D5A;

58 viên nén màu hồng trong túi nilon màu xanh thu giữ với Giàng Thị D có khối lượng là 5,21 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,45 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là DS1; còn lại: 53 viên có khối lượng 4,76 gam ký hiệu DS1A. Số vật chứng còn lại, 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 lọ nhựa, 01 túi vải được niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 12/7/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện thực hiện trưng cầu giám định 01 tờ tiền mệnh giá 100.000VNĐ, 04 tờ tiền mệnh giá 50.000VNĐ, 11 tờ tiền mệnh giá 20.000VNĐ, 23 tờ tiền mệnh giá 10.000VNĐ thu giữ của Giàng Thị D.

Ngày 17/7/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1771/KL-KTHS, kết luận: "Mẫu gửi giám định ký hiệu D1, D5, DS1 đều là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là D1= 0,47 gam, D5= 0,47 gam, DS1= 0,45 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu D2, D3, D4 đều là ma túy; loại Heroine. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 21,38 gam; loại Methamphetamine và 121,97 gam; loại Heroine (trong đó khối lượng ma túy thu giữ với Giàng Thị D là 5,21 gam; loại Methamphetamine)".

Ngày 19/7/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số 1783/KL-KTHS, Kết luận: Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật.

Thực hiện điều tra, xác minh làm rõ mối quan hệ giữa Sùng A S và Giàng Thị D với Sùng Thị Du xác định: có quan hệ họ hàng nhưng trong việc cất giữ, mua bán trái phép chất ma tuý thì độc lập không liên quan đến nhau; Du cất giữ

trái phép chất ma tuý có tổng khối lượng 138,67 gam, S và D không biết, Du có mặt trong cùng nhà ở là do Du là cháu của S xin ở nhờ và sống độc lập tại phòng riêng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra quyết định số 01/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 25/8/2023, Quyết định tách vụ án hình sự và đề nghị chuyển vụ án hình sự cùng vật chứng kèm theo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La để điều tra theo thẩm quyền đối với Sùng Thị Du; ngày 11/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã ra Quyết định số 09/QĐ-VKS-ML, Quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền.

Thực hiện điều tra, xác minh đối với người bán trái phép chất ma túy cho D nhưng không thu thập được tài liệu nào khác ngoài lời khai của D; tiến hành đối chất làm rõ dấu hiệu "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và số tiền do phạm tội mà có với Giàng Thị D và Sùng A S nhưng không thu được tài liệu nào khác chứng minh.

Tại Bản cáo trạng số 115/CT-VKS-ML ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Sùng A S, Giàng Thị D, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội với mục đích mua ma túy cất giữ để S sử dụng và cùng D bán cho người khác kiếm lời; số tiền bán trái phép ma tuý có được sử dụng quay vòng mua ma tuý, bán được là 750.000VNĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyến bố các bị cáo Sùng A S, Giàng Thị D phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Thị D từ 07 năm đến 08 năm tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu huỷ: 4,76 gam Methamphetamine ký hiệu là DS1A; 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon màu xanh, 01 túi vải của Giàng Thị D. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 750.000VNĐ. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo S tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 58 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị, không phạt bổ sung với bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo D tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, là người

dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cho bị cáo hưởng mức hình phạt 07 năm tù, không phạt bổ sung với bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo S và D bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác đinh hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Sùng A S là người sử dụng trái phép chất ma tuý nên S nói với D đi tìm mua "viên hồng" về để cho S sử dụng và bán; sau khi D tìm mua được ma tuý về cùng S bán cho những người không biết tên, địa chỉ và thấy có lời nên ngày 03/7/2023 S bảo D mang 2.000.000VNĐ (là số tiền tích luỹ được từ lao động và từ việc mua bán trái phép ma tuý) đi mua "viên hồng" về để bán, D đi hỏi và mua được 01 gói ni lon màu xanh bên trong có các viên nén màu hồng hình tròn mang về nói với S đã mua được một ít; S và D thống nhất số "viên hồng" cho D cất giữ, hàng ngày D đưa cho S vừa bán vừa sử dụng, đến ngày 11/7/2023 S và D đã bán được số tiền 750.000VNĐ, số ma tuý còn lại D cất giữ trong túi vải và bị bắt quả tang. Tại kết luận giám định số 1771/KL-KTHS, ngày 17/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: "Mẫu gửi giám định ký hiệu DS1 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,45 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 5,21 gam; loại Methamphetamine". Như vậy, các bị cáo Sùng A S, Giàng Thị D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý để sử dụng và kiếm lời là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Sùng A S, Giàng Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Người nào phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine… có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam".

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Các bị cáo đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì sử dụng ma tuý và mục đích tư lợi cá nhân, kiếm lời dễ dàng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có cùng tính chất và mục đích, trong đó Sùng A S là người khởi xướng (S bảo D mang 2.000.000VNĐ đi tìm mua ma tuý) và trực tiếp bán trái phép chất ma tuý; còn D là người trực tiếp đi mua, trực tiếp cất giữ, bán trái phép chất ma tuý và giữ tiền bán ma tuý có được nên các bị cáo phải chịu chung trách nhiệm về khối lượng ma tuý. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và rất nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo khai được bán trái phép chất ma tuý cho nhiều người, nhiều lần nhưng không đủ cơ sở chứng minh nên không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Dế sau khi bị bắt khai ra đồng phạm (S) là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, phát hiện tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo S và D là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu xa, nhận thức pháp luật hạn chế nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng S là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định các bị cáo không chấp hành quy định của địa phương nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với Sùng Thị Du, cơ quan chức năng đã tách chuyển vụ án theo thẩm quyền là có cơ sở, đúng quy định; đối với người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo D, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của bị cáo nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,45 gam Methamphetamine không hoàn lại mẫu nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 4,76 gam Methamphetamine ký hiệu DS1A giữ của Giàng Thị D còn lại là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon, 01 túi vải bị cáo D đã sử dụng làm phương tiện cất giữ trái phép chất ma tuý là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền bị cáo S và D đã bán bán trái phép chất ma túy có được tổng cộng 750.000VNĐ là số tiền do phạm tội mà có, cơ quan chức năng đã thu giữ nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Sùng A S.

Căn cứ điểm i kho ản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Giàng Thị D.

1. Tuyên bố: các bị cáo Sùng A S, Giàng Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

Bị cáo Sùng A S 07 (Bảy) năm, 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (12/7/2023).

Bị cáo Giàng Thị D 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (11/7/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 4,76 gam Methamphetamine ký hiệu DS1A; 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon màu xanh, 01 tùi vải (ví) của Giàng Thị D.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 750.000VNĐ của Giàng Thị D.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2023 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A S và Giàng Thị D.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2023).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà